

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 1983

LUẬT

BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Để nhân dân sử dụng quyền làm chủ tập thể trong việc xây dựng cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương;

Căn cứ vào Điều 7 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này quy định việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 2

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên đều có thể được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân, trừ những người mất trí và những người bị pháp luật hoặc Toà án nhân dân tước các quyền đó.

Công dân đang ở trong Quân đội nhân dân có quyền bầu cử và có thể được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 3

Đại biểu Hội đồng nhân dân phải là người trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, có thành tích sản xuất, công tác hoặc chiến đấu, có nhiệt tình phục vụ nhân dân, tích cực chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, gương mẫu trong sinh hoạt, có trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ của người đại biểu và được nhân dân tín nhiệm.

Điều 4

Cử tri có quyền bãi miễn đại biểu Hội đồng nhân dân, nếu đại biểu đó không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Điều 5

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương có trách nhiệm giới thiệu danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và cùng với các cơ quan chính quyền tổ chức việc bầu cử.

Điều 6

Hội đồng Nhà nước giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, bảo đảm cho các cuộc bầu cử tiến hành dân chủ, đúng pháp luật.

Điều 7

Kinh phí về tổ chức đại biểu Hội đồng nhân dân do ngân sách Nhà nước đài thọ.

CHƯƠNG II

SỐ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ KHU VỰC BỎ PHIẾU

Điều 8

Số đại biểu Hội đồng nhân dân của mỗi cấp như sau:

1- Hội đồng nhân dân xã, thị trấn và phường.

Xã và thị trấn miền xuôi có từ hai nghìn người trở xuống được bầu hai mươi đại biểu; có trên hai nghìn người thì cứ thêm hai trăm năm mươi người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá bốn mươi năm đại biểu.

Xã và thị trấn miền núi và hải đảo có từ bảy trăm người trở xuống được bầu hai mươi đại biểu; có trên bảy trăm người thì cứ thêm hai trăm người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá bốn mươi năm đại biểu.

Xã có từ ba trăm người trở xuống được bầu mười lăm đại biểu.

Pường có từ hai nghìn người trở xuống được bầu hai mươi đại biểu; có trên hai nghìn người thì cứ thêm bốn trăm người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá bốn mươi năm đại biểu.

2- Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã và thành phố thuộc

tỉnh.

Huyện miền xuôi và quận có từ năm mươi nghìn người trở xuống được bầu bốn mươi đại biểu; có trên năm mươi nghìn người thì cứ thêm sáu nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá sáu mươi đại biểu.

Huyện miền núi và hải đảo có từ hai mươi nghìn người trở xuống được bầu bốn mươi đại biểu; có trên hai mươi nghìn người thì cứ thêm hai nghìn năm trăm người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá sáu mươi đại biểu.

Thị xã có từ hai mươi nghìn người trở xuống được bầu bốn mươi đại biểu; có trên hai mươi nghìn người thì cứ thêm bốn nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá sáu mươi đại biểu.

Thành phố thuộc tỉnh có sáu mươi nghìn người trở xuống được bầu năm mươi đại biểu; có trên sáu mươi nghìn người thì cứ thêm tám nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá bảy mươi đại biểu.

3- Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và

cấp tương đương.

Tỉnh miền xuôi có từ năm trăm nghìn người trở xuống được bầu bảy mươi đại biểu; có trên năm trăm nghìn người thì cứ thêm ba mươi nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá một trăm hai mươi đại biểu.

Tỉnh miền núi có từ hai trăm năm mươi nghìn người trở xuống được bầu bảy mươi đại biểu; có trên hai trăm năm mươi nghìn người thì cứ thêm mười lăm nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá một trăm hai mươi đại biểu.

Thành phố trực thuộc trung ương có từ năm trăm nghìn người trở xuống được bầu bảy mươi đại biểu; có trên năm trăm nghìn người thì cứ thêm hai mươi nghìn người được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá một trăm hai mươi đại biểu.

Thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được bầu không quá một trăm năm mươi đại biểu.

Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo được bầu năm mươi đại biểu. Hội đồng Nhà nước có thể quyết định tăng thêm số đại biểu Hội đồng nhân dân đặc khu khi xét thấy cần thiết.

Điều 9

Đối với các địa phương có nhiều dân tộc sống xen kẽ và các khu công nghiệp tập trung, Hội đồng bộ trưởng quy định cụ thể để các dân tộc và công nhân có số đại biểu thích đáng trong Hội đồng nhân dân.

Điều 10

Đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu theo đơn vị bầu cử. Mỗi đơn vị bầu không quá ba đại biểu; các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn có thể được bầu số đại biểu nhiều hơn, nhưng không quá năm đại biểu.

Điều 11

Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương, danh sách các đơn vị và số đại biểu của mỗi đơn vị do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương ấn định và đề nghị Hội đồng bộ trưởng phê chuẩn.

Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khác, danh sách các đơn vị và số đại biểu của mỗi đơn vị do Ủy ban nhân dân cùng cấp ấn định và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

Điều 12

Danh sách các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào phải được Ủy ban nhân dân cấp ấy công bố chậm nhất là bốn mươi ngày trước ngày bầu cử.

Điều 13

Mỗi đơn vị bầu cử có thể chia thành nhiều khu vực bỏ phiếu, mỗi khu vực bỏ phiếu gồm từ năm trăm đến bốn nghìn người.

ở miền núi, hải đảo, có những bản, buôn, thôn, xóm cách nhau quá xa, thì dù chưa tới năm trăm người cũng có thể thành lập một khu vực bỏ phiếu.

Các bệnh viện, nhà an dưỡng, nhà hộ sinh, nhà nuôi người tàn tật có từ năm mươi cử trở lên có thể tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng.

Điều 14

Việc chia khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ấn định và phải được Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

Điều 15

Các đơn vị Quân đội nhân dân tổ chức khu vực bỏ riêng.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ, BAN BẦU CỬ, TỔ BẦU CỬ

Điều 16

Những tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân gồm có: Hội đồng bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử.

Điều 17

Chậm nhất là bốn mươi ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì Ủy ban nhân dân cấp ấy bàn với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập Hội đồng bầu cử từ năm đến hai mươi một người gồm đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các chính đảng, các đoàn thể nhân dân trong địa phương.

Hội đồng bầu cử bầu Chủ tịch, một hoặc nhiều Phó Chủ tịch và một hoặc nhiều Thư ký.

Danh sách Hội đồng bầu cử tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương phải được Hội đồng bộ trưởng phê chuẩn. Danh sách Hội đồng bầu cử các cấp khác phải được Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

Hội đồng bầu cử có những nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- 1- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong địa phương;
- 2- Xét và giải quyết những khiếu nại về công tác của các Ban bầu cử và Tổ bầu cử;
- 3- Nhận đơn ứng cử, lập và niêm yết danh sách những người được giới thiệu ra ứng cử; xét và giải quyết những khiếu nại về việc lập danh sách đó;
- 4- Nhận tài liệu và phiếu bầu cử của Ủy ban nhân dân cùng cấp và phân phối cho các Ban bầu cử, chậm nhất là mười ngày trước ngày bầu cử;
- 5- Nhận và kiểm tra biên bản bầu cử do các Ban bầu cử gửi đến, làm biên bản ghi kết quả cuộc bầu cử trong địa phương;
- 6- Tuyên bố kết quả cuộc bầu cử;
- 7- Chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cùng cấp biên bản tổng kết bầu cử và những hồ sơ tài liệu về cuộc bầu cử.